

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **239/2024/DS-ST**

Ngày: 18-9-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết Nhung, bà Nguyễn Thị Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Diễm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 553/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Địa chỉ trụ sở: Lầu X, số Y đường N, Phường Z, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023). Địa chỉ: Số X đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Quang T - Chức vụ: Chuyên viên Kiểm soát rủi ro Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Văn bản ủy quyền số 302/2023/GUQ-CNDL ngày 31/7/2023). Địa chỉ: Số X đường P, phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số X đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày như sau: Ngày 07/04/2020, bà Nguyễn Thị Thu H1 (bị đơn) có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (nguyên đơn) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 970403 – 3746, bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Căn cứ theo thu nhập của bị đơn, nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2.6%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện nhiều lần các giao dịch nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định và bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 22/8/2021. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết, nguyên đơn đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ nên nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và toàn bộ dư nợ đã chuyển nợ quá hạn. Mặc dù nguyên đơn đã đôn đốc, nhắc nhở, yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn cũng như tạo điều kiện về mặt thời gian để bị đơn trả nợ, tuy nhiên bị đơn vẫn không thanh toán khoản nợ quá hạn cho nguyên đơn. Do đó để bảo vệ quyền lợi hợp pháp, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ là 84.736.501 đồng; trong đó nợ gốc là 34.588.711 đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 18/9/2024 là 50.147.790 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 19/9/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

Về chi phí tố tụng cho việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và chi phí giám định chữ ký, chữ viết, đề nghị bị đơn phải chịu.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là

84.736.501 đồng; trong đó nợ gốc quá hạn là 34.588.711 đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 18/9/2024 là 50.147.790 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 19/9/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thoả thuận theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký.

- Về chi phí tố tụng và án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; bị đơn cư trú tại địa chỉ số X đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về trình tự thủ tục: Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ngày 07/04/2020, bị đơn có ký với nguyên đơn hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, số thẻ 970403 – 3746, bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện nhiều lần các giao dịch nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định và bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 22/08/2021. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ là 84.736.501 đồng; trong đó nợ gốc quá hạn là 34.588.711 đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 18/9/2024 là 50.147.790 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 19/9/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thoả thuận theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết. HĐXX xét thấy: Nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Biểu phí, lãi sản phẩm dịch vụ thẻ; Bảng tóm tắt sao kê chi tiết giao dịch của thẻ tín dụng số thẻ 970403 – 3746, chủ thẻ là bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt không tham gia tố tụng. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 06/2024/QĐ-TA ngày 11/4/2024 đối với bị đơn, tuy nhiên vẫn không có tin tức của bị đơn. Đồng thời nguyên đơn có đơn đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đề

ngày 07/4/2020 giữa nguyên đơn và bị đơn. Tại Kết luận giám định số 1096/KL-KTHS ngày 02/8/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Thu H1 trên Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 07/4/2020 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Nguyễn Thị Thu H1, dưới mục “Chữ ký và họ tên của chủ thẻ chính”, so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Thu H1 trên các tài liệu mẫu so sánh, do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy xác định Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 07/4/2020 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện nhiều lần các giao dịch nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định và bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 22/8/2021. Do đó có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ là 84.736.501 đồng; trong đó nợ gốc quá hạn là 34.588.711 đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 18/9/2024 là 50.147.790 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 19/9/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thoả thuận theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

[4] Về chi phí tố tụng:

Về chi phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền chi phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số tiền 2.425.000 đồng. Nguyên đơn đã tạm ứng nộp nên được nhận lại số tiền này sau khi thu được của bị đơn.

Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Căn cứ Điều 161, 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do kết quả giám định chữ ký, chữ viết chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết số tiền 6.500.000 đồng. Nguyên đơn đã tạm ứng nộp nên được nhận lại số tiền này sau khi thu được của bị đơn.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn, cụ thể: Số tiền 5% x 84.736.501 đồng = 4.236.825 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 161, 162, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền còn nợ là 84.736.501 đồng (*Tám mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm lẻ một đồng*); trong đó nợ gốc quá hạn là 34.588.711 đồng (*Ba mươi bốn triệu năm trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm mười một đồng*), nợ lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 18/9/2024 là 50.147.790 đồng (*Năm mươi triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi đồng*) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 19/9/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thoả thuận theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đề ngày 07/4/2020 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S).

[2] Về chi phí tố tụng:

Về chi phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: Bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu 2.425.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền chi phí thông báo. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại số tiền 2.425.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng chi phí thông báo sau khi thu được của bà Nguyễn Thị Thu H1.

Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền chi phí giám định. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại số tiền 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được của bà Nguyễn Thị Thu H1.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu số tiền 4.236.825 đồng (*Bốn triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 1.654.702 đồng (*Một triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm lẻ hai đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0004716 ngày 11/10/2023.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. B;
- Dương sự;
- Lưu Hồ Sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My